TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HS-ST
Ngày 02 - 02 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đăng Thiện

Ông Nguyễn Văn Sâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2023;

Đối với các bị cáo:

1. **Đỗ Trung T**, sinh năm 1963 tại: Quận B, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Số F, ngách I Đ, phường N, quận B, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Trọng L (đã chết) và bà Đỗ Thị L1; Có vợ là Bùi Thu H (đã chết) và 02 con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

+ Ngày 30/11/2011, bị Tòa án nhân dân Quận Ba Đình, TP Hà Nội xử phạt 42 tháng tù về tội *Tàng trữ trái phép chất ma túy*, ngày 24/02/2012 chấp hành án xong về địa phương sinh sống.

+ Ngày 17/05/2018, bị Tòa án nhân dân Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, ngày 30/06/2020 chấp hành

xong án phạt tù về địa phương sinh sống. Bị can đã chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm.

Bị bắt tạm giữ ngày 08/10/2023, chuyển tạm giam từ ngày 14/10/2023 đến nay; Có mặt.

2. **Phan Văn T1**, sinh năm 1973 tại: Xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn B, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Văn M (đã chết) và bà Hoàng Thị N (đã chết); Vợ, con: Chưa có;

Tiền án: Ngày 03/02/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 04 tháng tù giam về tội Đánh bạc, phạt bổ sung 6.000.000đ. Ngày 09/03/2015 chấp hành xong hình phạt tù. Hiện bị can vẫn chưa chấp hành hình phạt bổ sung;

Tiền sự: không;

Nhân thân:

+ Ngày 29/01/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân xử phạt 02 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", ngày 10/7/2020 chấp hành xong án phạt tù. Bị can đã chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm.

+ Ngày 31/07/2017 bị Công an huyện B, Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 06/11/2017 bị can đã chấp hành xong hình phạt.

Bị bắt tạm giữ ngày 06/10/2023, chuyển tạm giam từ ngày 15/10/2023 đến nay; Có mặt.

3. **Nguyễn Xuân T2**, sinh năm 1979 tại: Thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Khu B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Xuân T3 (đã chết) và bà Vũ Thị M1; Có vợ là Lương Thị Thanh N1 và 01 con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:Ngày 28/11/2003, bị Tòa án nhân dân thị xã Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản. T2 đã chấp hành xong hình phạt.

Bị bắt tạm giữ ngày 06/10/2023, chuyển tạm giam từ ngày 15/10/2023 đến nay; Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phan Văn T1:* Ông Trịnh Đình H1 - Trợ giúp viên pháp lý, Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 6, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T; Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.* Nguyễn Văn T4, sinh năm 1995, địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Phan Kiên T5, sinh năm 1987, địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

2. Phan Thị M2, sinh năm 1966, địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

3. Lê Thị L2, sinh năm 1987, địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

4. Lê Văn L3, sinh năm 1964, địa chỉ: Khu B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

5. Vũ Thị M1, sinh năm 1957, địa chỉ: Khu B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

6. Nguyễn Quân T6, sinh năm 1985, địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

7. Ngô Khắc L4, sinh năm 1984, địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 ngày 06/10/2023, Công an huyện T phối hợp với Công an thị trấn T kiểm tra nhà Nguyễn Xuân T2 tại khu B, thị trấn T phát hiện bắt quả tang T2 có hành vi cất giấu chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn trong nhà , T2 khai đó là chất ma túy loại Heroin do T2 cất giấu nhằm mục đích bán cho khách. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T2, thu giữ:

- 01 túi nilon màu trắng loại túi Zíp viền đỏ, bên trong chứa một gói giấy màu trắng, trong gói giấy có chứa chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn; 01 túi nilon màu trắng lẫn xanh, bên trên có dòng chữ *"thời gian uống thuốc"* bên trong chứa một gói giấy màu trắng, trong gói giấy có chứa chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn (niêm phong trong phong bì kí hiệu M).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 7 vỏ màu đen, gắn thẻ sim số thuê bao 0966.177.007 và 0977.330.636.

- Số tiền 1.000.000đ (gồm hai tờ tiền mệnh giá 500.000đ).

Khám xét chỗ ở của Nguyễn Xuân T2, Cơ quan điều tra phát hiện thu giữ:

- 10 gói nilon loại vỏ đựng bơm kim tiêm xi lanh.

- 10 mảnh giấy trắng hình vuông được gấp thành hình tam giác.

- 01 thẻ ngân hàng V mang tên Nguyễn Xuân T2.

Nguồn gốc số ma túy T2 khai góp 2.500.000đ nhờ Phan Văn T1 đi mua tại Hà Nội vào sáng ngày 06/10/2023. Số ma túy này T2 đã bán cho Nguyễn Văn T4,

sinh năm 1995, địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa một phần lấy 1.000.000 đồng.

Khám xét chỗ ở của Phan Văn T1 tại thôn B, xã X, T, Cơ quan điều tra phát hiện thu giữ:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu xanh, lắp thẻ sim số thuê bao 0378.669.545.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme 5 màu xanh, không gắn thẻ sim.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Microsoft màu trắng. Điện thoại không khởi động được, không gắn thẻ sim.

- Số tiền 700.000đ.

- 01 túi nilon màu trắng chứa chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn; 01 gói nilon màu đỏ, bên trong là lớp nilon màu trắng, trong lớp nilon màu trắng có chứa chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn (được niêm phong trong phong bì kí hiệu M1).

Sau khi Cơ quan điều tra khám xét, T1 xin đầu thú và khai nhận đã giúp Nguyễn Xuân T2 đi mua ma túy vào ngày 06/10/2023. Các túi nilon chứa chất bột màu trắng mà Cơ quan điều tra thu giữ, T1 khai nhận đây là ma túy loại H2 do T1 mua của Đỗ Trung T tại Phường N, quận B, thành phố Hà Nội, trong đó túi nilon màu trắng viền đỏ chứa chất bột màu trắng T1 mua ngày 04/10/2023, gói nilon màu đỏ chứa chất bột màu trắng mua ngày 06/10/2023. Số ma túy cất giữ tại nhà, T1 khai nhận cất giấu để bán cho khách kiếm lời nhưng T1 mới bán được cho T2 và Nguyễn Quân T6 mỗi người một lần vào ngày 06/10/2023 với số tiền 500.000đ.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Văn T4 tại xã T, T phát hiện thu giữ một điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, gắn thẻ sim số thuê bao 0378.171.236. T4 khai nhận hành vi mua ma túy của Nguyễn Xuân T2 ngày 06/10/2023.

Tiến hành xác minh, xác định người tên T6 ở xã X sử dụng số điện thoại 0983.39.433 là Nguyễn Quân T6 (sinh năm 1980, tạm trú tại thôn L, xã X, T). T6 khai nhận việc mua ma túy của Phan Văn T1 ngày 06/10/2023.

Ngày 07/10/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện T khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đỗ Trung T tại: Số F, ngách I Đ, phường N, quận B, thành phố Hà Nội thu giữ :

- 07 gói giấy bạc bên ngoài bọc nilon, bên trong chứa chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn (được niêm phong trong phong bì kí hiệu MH).

- 01 túi nilon màu trắng có viền đỏ, bên trong có chứa chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn (được niêm phong trong phong bì kí hiệu MH1).

- 01 lọ nhựa màu trắng hình trụ tròn, một lưỡi dao lam có chữ “Gillette”, một vỏ bao thuốc lá thăng long.

- 01 điện thoại di động nhãn Honox 8 màu đen gắn thẻ sim số thuê bao 0869.809.559.

- Số tiền 10.000.000đ.

- 05 mảnh giấy bạc hình vuông, 02 mảnh giấy bóng màu đỏ.

Trong cùng ngày, T đã ra đầu thú và khai nhận đã bán ma túy cho Phan Văn T1 hai lần vào ngày 06/10/2023 và ngày 04/10/2023 với số tiền bán ma túy mỗi ngày là 1.750.000đ. Số chất bột màu trắng bị thu giữ ngày 07/10/2023 T khai nhận là ma túy loại Heroin T cất giấu để bán cho khách.

Ngày 07/10/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện T ra Quyết định trưng cầu giám định số: 301/QĐ – ĐCSMT trưng cầu Phòng K Công an tỉnh T giám định chất bột màu trắng ngà thu giữ của T2 và T1.

Tại Bản kết luận giám định số 3639/KL-KTHS ngày 10/10/2023 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: chất bột màu trắng ngà được niêm phong trong phong bì ký hiệu M gửi giám định có trọng lượng 1,336g là ma túy loại heroin; chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn được niêm phong trong phong bì ký hiệu M1 gửi giám định có trọng lượng 3,262g là ma túy loại heroine.

Ngày 08/10/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện T ra Quyết định trưng cầu giám định số 303/QĐ – ĐCSMT trưng cầu Phòng K Công an tỉnh T giám định chất bột màu trắng ngà thu giữ của Đỗ Trung T.

Tại Bản kết luận giám định số 3710/KL-KTHS ngày 13/10/2023 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: chất bột màu trắng ngà được niêm phong trong phong bì ký hiệu MH gửi giám định có trọng lượng 1,004g là ma túy loại heroin; chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn được niêm phong trong phong bì ký hiệu MH1 gửi giám định có trọng lượng 1,267g là ma túy loại heroine.

Ngày 07/10/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện T ra Quyết định trưng cầu giám định số: 302/QĐ – ĐCSMT trưng cầu Phòng K Công an tỉnh T giám định tiền thu giữ của T1 và T2. Ngày 13/10/2023, Phòng K Công an tỉnh T có kết luận giám định số: 3706/KL-KTHS kết luận: các tờ tiền thu giữ là tiền thật.

Ngày 08/10/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện T ra Quyết định trưng cầu giám định số: 304/QĐ – ĐCSMT trưng cầu Phòng K Công an tỉnh T giám định tiền thu giữ của T. Ngày 16/10/2023, Phòng K Công an tỉnh T có kết luận giám định số 3745/KL-KTHS kết luận: các tờ tiền thu giữ là tiền thật.

Qúa trình điều tra xác định: Nguyễn Xuân T2 và Phan Văn T1 đều là người nghiện, muốn có ma túy để sử dụng và bán kiếm lời nên tối ngày 03/10/2023, T1 gọi điện cho T hỏi mua nửa chỉ ma túy thì T cho biết giá là 1.750.000đ. T1 đồng ý rồi gọi điện lại cho T2 bảo đã có nơi mua ma túy, số tiền mua là 5.000.000đ, mỗi người một nửa tiền và T2 chịu trách nhiệm gọi xe đi Hà Nội. T2 đồng ý sau đó gọi cho Ngô Khắc L4 (sinh năm 1984, trú tại thôn D, xã T, huyện T) nhờ L4 chở đi Hà Nội. Khoảng 07 giờ ngày 04/10/2023, T2 đi xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu tím đen biển kiểm soát 36D1 – 10455 đến đoạn bờ đê xã X, T (đoạn đối diện chợ T8) thì gửi xe ở một nhà dân bên đường và chờ T1 đi bộ ra. Sau đó T2 gọi cho L4 đến đón mình đi Hà Nội. Khoảng 09 giờ cùng ngày L4 đi xe ô tô Kia moning màu trắng biển kiểm soát 36A – 91861 đến. T2 và T1 ngồi ở hàng ghế phía sau, cả ba

người cùng đi đến địa chỉ ở đường Đ, Phường N, B, Hà Nội. Khi lên xe thì T2 đưa cho T1 số tiền 2.500.000đ. Gần đến nhà T thì T1 xuống xe đi bộ vào một mình và gọi điện cho T ra đón. T2 cũng xuống xe để hút thuốc, còn L4 ngồi trên xe. Khi gặp được T thì T1 đi vào nhà T. T dẫn T1 lên tầng hai nhà mình. Tại đây T1 đưa cho T 1.750.000đ. T đưa cho T1 một túi nilon loại túi Zíp màu trắng có viền đỏ bên trong có chứa ma túy. T1 cầm ma túy rồi đi ra gặp T2 và L4. Cả ba lên xe đi về T. Khi về đến xã X, T thì T1 và T2 xuống xe. T2 sử dụng tài khoản V số 0966.177.007 chuyển vào tài khoản S1 số 030056154406 của L4 số tiền 1.000.000đ trả tiền xe. Sau khi xuống xe, T2 lấy xe máy chở T1 về nhà . Tại đây, T1 và T2 chia đôi số ma túy mua được tại phòng ngủ của T1. Khi lấy được ma túy, T2 cầm về phòng ngủ nhà mình cất giấu và sử dụng một mình hết. T1 cũng lấy một ít ra sử dụng nhưng vẫn còn lại để trong túi nilon màu trắng có viền đỏ bị cơ quan điều tra thu giữ trong túi áo ấm.

Khoảng 21 giờ ngày 05/10/2023, T2 sử dụng số điện thoại 0977.330.636 gọi cho T1 bảo đã hết ma túy, T1 còn không ngày mai đem cho T2 một gói 500.000đ và hỏi T1 ngày mai có đi mua ma túy nữa không để T2 gửi tiền. T1 đồng ý và hẹn ngày mai sẽ đi mua và thống nhất với T2 mỗi người sẽ góp 2.500.000đ để mua ma túy.

Khoảng 07 giờ ngày 06/10/2023, T2 và T1 đi ăn phở tại quán T9 thuộc khu A, thị trấn T, T. Tại đây, T1 đưa cho T2 một gói nilon màu trắng được cắt từ vỏ bao kim tiêm, hàn kín hai đầu, bên trong có một gói giấy màu trắng, trong gói giấy có chất ma túy. Sau khi ăn sáng xong, khi đi ra khu vực để xe của quán, T2 đưa cho T1 2.500.000đ tiền góp đi mua ma túy và 500.000đ tiền gói ma túy đã mua, 300.000đ tiền đưa cho T1 đi xe và cho T1 vay 400.000đ . Số ma túy này, T2 về nhà sử dụng hết cònThắng đi xe máy điện màu xanh biển kiểm soát 36AA – 55819 xuống nhà xe bệnh viện T10 gửi rồi bắt xe Ngọc S đi ra Hà Nội. Trước khi đi T1 gọi điện trước cho T để hỏi mua nửa chỉ Heroin, T đồng ý và hẹn T1 khi nào ra đến nơi thì gọi. Khi ra đến Hà Nội, T1 đi xe ôm đến nhà của T, gần đến nơi, T1 gọi cho T ra. T cầm gói ma túy đã chuẩn bị sẵn bỏ trong túi nilon màu đỏ ra cách nhà khoảng 50m đưa cho T1. T1 đưa cho T số tiền 1.750.000đ . Sau khi nhận ma túy xong thì T1 đón xe buýt ra bến xe M rồi bắt xe Khiêm Oanh về đến ngã ba C, T, lúc đó khoảng 16 giờ 40 phút, T1 gọi cho T2 đến đón. T2 đi xe máy Wave màu tím đen biển kiểm soát 36D1 – 10455 xuống đón T1 về nhà mình. Cả hai vào buồng ngủ của T2 chia ma túy, mỗi người lấy một nửa. Sau khi chia xong thì T2 chở T1 xuống bệnh viện lấy xe.

T2 về nhà chuẩn bị các túi nilon và giấy trắng để phân chia ma túy để bán. Khoảng 18 giờ ngày 06/10/2023, Nguyễn Văn T4 (sinh năm 1995 tại xã T, huyện T) sử dụng số điện thoại 0378.171.236 gọi vào số 0966.177.007 của T2 hỏi mua 1.000.000đ ma túy. T2 đồng ý và bảo T4 đến gần nhà để lấy ma túy. T4 đi đến đường nhựa ngay gần ngã ba cạnh nhà T2 thì T2 đi bộ ra đưa cho T4 hai gói nilon màu trắng được cắt từ vỏ bao kim tiêm, hàn kín hai đầu, bên trong mỗi gói có một gói giấy màu trắng, trong gói giấy có chất ma túy. T4 đưa cho T2 hai tờ tiền mệnh giá 500.000đ. Số ma túy còn lại bị thu giữ T2 cất giấu để bán cho khách nhưng mới chỉ bán được cho T4 một lần.

Ngoài bán ma túy cho T2, trong số ma túy mua của T ngày 04/10/2023, T1 đã bán được cho Nguyễn Quân T6 (sinh năm 1980 trú tại xã X, huyện T) một gói giá 500.000đ. Vào khoảng 07 giờ ngày 06/10/2023. T6 sử dụng số điện thoại 0983.359.433 để liên lạc mua ma túy của T1. Sau khi T1 khai báo hành vi bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Quân T6, cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh triệu tập làm việc với T6, tuy nhiên đến ngày 24/10/2023 mới làm việc được với T6, T6 khai đã mua ma túy của T1 vào ngày 06/10/2023 tại đoạn đường trước cổng công ty X trên đường Q và đã sử dụng hết. Số ma túy còn lại, T1 khai báo cất giấu để bán cho người khác và để sử dụng nhưng chỉ mới bán được cho T2 và T6.

Nguồn gốc số ma túy: T khai báo mua của một người đàn ông T gặp ở khu vực Bệnh viện Đ, phường Ô, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội. T không biết rõ người đó là ai, chỉ biết người này hay đứng ở khu vực Bệnh viện Đ. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra xác minh, nhưng không xác định được người bán ma túy cho T là ai.

Đối với chiếc xe máy điện T1 sử dụng đi mua ma túy. Đây là tài sản của anh Phan Kiên T5 (là cháu ruột của T1). Anh T5 không biết việc T1 sử dụng để đi mua bán ma túy, nên không thu giữ.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu tím đen biển số 36D1 – 10455 T2 sử dụng đi mua ma túy. Đây là xe tài sản của bà Vũ Thị M1 (là mẹ T2). Việc T2 lấy xe đi hàng ngày bà M1 có biết và đồng ý, tuy nhiên bà M1 không biết việc T2 sử dụng xe đi mua bán ma túy, nên không thu giữ.

Đối với một chiếc điện thoại Realme 5 màu xanh và một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Microsoft màu trắng, xác định không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Lê Thị L2 (cháu dâu của Phan Văn T1).

Đối với Ngô Khắc L4 là người chở T1, T2 ngày 04/10/2023, L4 không biết T1, T2 đi mua ma túy nên không có căn cứ xử lý.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của T2, T, T1, T5, Công an huyện T đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Vật chứng vụ án:

- 01 phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng K Công an tỉnh T phát hành được niêm phong, bên trong có toàn bộ bao gói mở niêm phong của phong bì ký hiệu MH, MH1; 0,955g chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn của phong bì ký hiệu MH; 1,177g chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn của phong bì ký hiệu MH1.

- 01 phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng K Công an tỉnh T phát hành được niêm phong, bên trong có toàn bộ bao gói mở niêm phong của phong bì ký hiệu M, M1; 1,175g chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn của phong bì ký hiệu M; 2,998g chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn của phong bì ký hiệu M1.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 7 vỏ màu đen, số imei1: 864493042856825, imei2: 864493043356825, gắn thẻ sim số thuê bao 0966.177.007 và 0977.330.636.

- 10 gói nilon loại vỏ đựng bơm kim tiêm xi lanh.

- 10 mảnh giấy trắng hình vuông được gấp thành hình tam giác.

- 01 thẻ ngân hàng V1 màu xanh có dãy số trên thân thẻ là 9704150147504438 mang tên Nguyễn Xuân T2.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu xanh dạng bàn phím, lắp thẻ sim số thuê bao 0378.669.545, số imei1: 8673270608044787, imei2: 867327060804795.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen số imei1: 353535063113060, imei2: 35353506311078, gắn thẻ sim số thuê bao 0378.171.236.

- 01 lọ nhựa màu trắng hình trụ tròn, một lưỡi dao lam có chữ "Gillette", một vỏ bao thuốc lá thăng long.

- 01 điện thoại di động nhãn Honox 8 màu đen, số imei1: 868374041125972, imei2: 868374041145988, gắn thẻ sim số thuê bao 0869809.559. điện thoại đã qua sử dụng, mặt sau bị vỡ.

- 05 mảnh giấy bạc hình vuông, 02 mảnh giấy bóng màu đỏ.

- Số tiền 11.700.000đ

Hiện đang được quản lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKSTX ngày 02/01/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân truy tố: Bị cáo Đỗ Trung T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự; Bị cáo Phan Văn T1 về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự;Bị cáo Nguyễn Xuân T7 về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Đỗ Trung T, Phan Văn T1 và Nguyễn Xuân T2 đều thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo không có ý kiến gì về Kết luận giám định.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử,

- Về tội danh: Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Trung T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự; Bị cáo Phan Văn T1 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự; Bị cáo Nguyễn Xuân T7 phạm tội: "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

- Về hình phạt:

+ Áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Trung T từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 38; điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phan Văn T1 từ 07 năm 09 tháng đến 08 năm 03 tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T2 từ 30 tháng đến 36 tháng tù.

+ Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về biện pháp tư pháp: Truy thu số tiền bị cáo Đỗ Trung T 3.500.000 đồng; Phan Văn T1 2.500.000 đồng và Nguyễn Xuân T2 500.000 đồng, thu lợi bất chính do bán trái phép chất ma túy mà có, sung vào ngân sách nhà nước. Tuy nhiên được khấu trừ vào số tiền đã thu giữ của bị cáo T 10.000.000 đồng, bi cáo T1 700.000 đồng, bị cáo T2 1.000.000 đồng. Như vậy, bị cáo T được nhận lại số tiền 6.500.000 đồng; bị cáo T1 phải nộp số tiền 1.800.000 đồng; bị cáo T2 đã nộp đủ.

- Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị:

+ Tịch thu, tiêu hủy đối với: Toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định.

+ Tịch thu, tiêu hủy đối với: 10 gói nilon loại vỏ đựng bơm kim tiêm xi lanh; 10 mảnh giấy trắng hình vuông được gấp thành hình tam giác; 01 thẻ ngân hàng V1 màu xanh có dãy số trên thân thẻ là 9704150147504438 mang tên Nguyễn Xuân T2; 01 lọ nhựa màu trắng hình trụ tròn, một lưỡi dao lam có chữ "Gillette"; 01 vỏ bao thuốc lá thăng long; 05 mảnh giấy bạc hình vuông; 02 mảnh giấy bóng màu đỏ.

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với công cụ, phương tiện phạm tội là 04 chiếc điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 7 vỏ màu đen, gắn thẻ sim số thuê bao 0966.177.007 và 0977.330.636 (thu của T2); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu xanh dạng bàn phím, lắp thẻ sim số thuê bao 0378.669.545 (thu của T1); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, gắn thẻ sim số thuê bao 0378.171.236 (thu giữ của Nguyễn Văn T4); 01 điện thoại di động nhãn Honox 8 màu đen, gắn thẻ sim số thuê bao 0869809.559 (thu của T).

Vật chứng hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân theo quy định.

- Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo Phan Văn T1 vắng mặt, nhưng có gửi trước Bản bào chữa cho Tòa án thể hiện quan điểm như sau:

Thống nhất với quan điểm truy tố của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh đối với bị cáo Phan Văn T1 theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự. Sau khi phân tích nội dung vụ án, nhân thân, điều kiện hoàn cảnh gia đình của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải của bị cáo; Sau khi phạm tội đã ra đầu thú; ngoài ra bị cáo là người khuyết tật nặng và có bố, mẹ là người có công với cách mạng, tham gia kháng chiến được tặng thưởng nhiều huân, huy chương. Người bào chữa đề nghị

Hội đồng xét xử: Áp dụng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251; điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử cho bị cáo T1 được hưởng mức án ở đầu khung hình phạt, để bị cáo yên tâm cải tạo và sớm trở lại hòa nhập xã hội. Ngoài ra còn đề nghị, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo và miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Các bị cáo không tranh luận. Lời nói sau cùng các bị cáo xin giảm nhẹ mức hình phạt và được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của các bị cáo Đỗ Trung T, Phan Văn T1 và Nguyễn Xuân T2 tại phiên tòa hôm nay, là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản khám xét, Kết luận giám định, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

Ngày 07/10/2023, Đỗ Trung T đã có hành vi cất giấu 2,271g ma túy, loại heroine tại nhà ở của mình ở số F, ngách I, Đ, phường N, quận B, thành phố Hà Nội với mục đích bán cho người khác kiếm lời. T đã bán ma túy, loại Heroine cho Phan Văn T1 02 lần vào ngày 04/10/2023 (không thu giữ được ma túy) và ngày 06/10/2023 (thu giữ được 4,598g ma túy, loại Heroine). Như vậy, tổng trọng lượng chất ma túy T phải chịu trách nhiệm là 6,689g ma túy, loại Heroine.

Ngày 06/10/2023, tại thôn B, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, Phan Văn T1 đã có hành vi cất giấu 3,262g ma túy, loại heroine tại nhà ở của mình nhằm mục đích bán cho người khác kiếm lời. Trong ngày 06/10/2023, T1 đã bán ma túy cho Nguyễn Xuân T2 01 lần, bán ma túy cho Nguyễn Quân T6 01 lần. Ngoài ra T1 còn giúp Nguyễn Xuân T2 mua 1,336g ma túy, loại heroine để T2 bán cho người khác. Như vậy tổng trọng lượng chất ma túy T1 cất giấu để bán và mua hộ cho người khác để bán là 4,598g ma túy, loại Heroine.

Ngày 06/10/2023 tại khu B, thị trấn T, huyện T, Nguyễn Xuân T2 đã có hành vi cất giấu 1,336g ma túy, loại heroine tại nơi ở của mình nhằm mục đích bán cho người khác kiếm lời. T2 đã bán ma túy cho Nguyễn Văn T4 01 lần ngày 06/10/2023 (không thu giữ được ma túy).

Các bị cáo Đỗ Trung T, Phan Văn T1 và Nguyễn Xuân T7 có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi phạm tội là do cố ý. Như vậy, hành vi của bị cáo Đỗ Trung T đã phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự; Bị cáo Phan Văn T1 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự;Bị cáo Nguyễn Xuân T7 phạm tội: "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng; Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý của nhà nước về các chất ma tuý, là nguyên nhân làm gia tăng những tệ nạn xã hội và tội phạm hình sự; gây tác hại cho sức khỏe và gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự trị an tại địa phương. Bản thân các bị cáo đủ nhận thức và biết ma túy là chất gây nghiện có tác hại rất lớn cho người sử dụng và đối với xã hội, các bị cáo cũng nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì hám lợi, các bị cáo đã bất chấp pháp luật và cố tình vi phạm. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt nghiêm minh đối với các bị cáo, bắt cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo, cũng như đáp ứng được yêu cầu đấu tranh và phòng ngừa tội phạm.

[4] Về nhân thân: Bị cáo Đỗ Trung T đã 02 lần bị Tòa án kết án phạt tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và tội "Mua bán trái phép chất ma túy", nhưng bị cáo đều đã chấp hành xong hình phạt tù và đã đương nhiên được xóa án tích. Bị cáo Nguyễn Xuân T2 01 lần bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản", nhưng đã chấp hành xong hình phạt và đã đương nhiên được xóa án tích. Bị cáo Phan Văn T1 01 lần bị xử lý vi phạm hành chính (đã chấp hành xong việc nộp phạt) và 02 lần bị Tòa án kết án phạt tù về tội "Đánh bạc" và tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" (đã chấp hành xong hình phạt tù và nộp án phí). Tuy nhiên do bị cáo T1 chưa chấp hành việc nộp tiền phạt bổ sung 6.000.000đ tại Bản án số 01/2015/HSST ngày 03/02/2015 của Tòa án nhân dân huyện Yên Định về tội "Đánh bạc", nên bị cáo chưa được xóa án tích và phải chịu 01 tiền án.

[5] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đỗ Trung T, Nguyễn Xuân T2 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đối với bị cáo Phan Văn T1, bị cáo đang có tiền án, nay lại tiếp tục phạm tội do cố ý, nên bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng là "tái pham" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Đỗ Trung T, Phan Văn T1 và Nguyễn Xuân T7 đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Đỗ Trung T, Phan Văn T1 đã ra "đầu thú" nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Phan Văn T1 là người khuyết tật nặng và có bố, mẹ là người có công với cách mạng, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Xuân T2 có bố đẻ là người có công với

cách mạng, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử, xét thấy: Cần thiết phải xử phạt các bị cáo bằng hình phạt tù, với mức án như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, đảm bảo được tính giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm. Đối với thời gian các bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam được tính vào thời gian chấp hành hình phạt cho các bị cáo. Tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập; hoàn cảnh gia đình đều đang gặp khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Về áp dụng biện pháp tư pháp: Đối với số tiền các bị cáo Đỗ Trung T, Phan Văn T1 và Nguyễn Xuân T2 thu lợi bất chính do bán trái phép chất ma túy mà có, cần truy thu để sung vào ngân sách nhà nước, cụ thể: Bị cáo T 3.500.000 đồng; bị cáo T1 2.500.000 đồng; bị cáo T2 1.000.000 đồng. Tuy nhiên xét trong quá trình điều tra đã thu giữ của bị cáo T 10.000.000 đồng, bi cáo T1 700.000 đồng, bị cáo T2 1.000.000 đồng (hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân), nên khấu trừ vào số tiền truy thu của các bị cáo. Như vậy, bị cáo T được nhận lại số tiền 6.500.000 đồng; bị cáo T1 phải nộp số tiền còn lại là 1.800.000 đồng; bị cáo T2 đã nộp đủ.

[10] Về vật chứng vụ án:

- Đối với toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định. Đây là vật cấm lưu hành, nên cần cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với: 10 gói nilon loại vỏ đựng bơm kim tiêm xi lanh; 10 mảnh giấy trắng hình vuông được gấp thành hình tam giác; 01 thẻ ngân hàng V1 màu xanh có dãy số trên thân thẻ là 9704150147504438 mang tên Nguyễn Xuân T2; 01 lọ nhựa màu trắng hình trụ tròn, một lưỡi dao lam có chữ “Gillette”; 01 vỏ bao thuốc lá thăng long; 05 mảnh giấy bạc hình vuông; 02 mảnh giấy bóng màu đỏ, xác định có liên quan đến tội phạm. Xét không còn giá trị, không sử dụng được nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 04 chiếc điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 7 vỏ màu đen, gắn thẻ sim số thuê bao 0966.177.007 và 0977.330.636 (thu của T2); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu xanh dạng bàn phím, lắp thẻ sim số thuê bao 0378.669.545 (thu của T1); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, gắn thẻ sim số thuê bao 0378.171.236 (thu giữ của Nguyễn Văn T4); 01 điện thoại di động nhãn Honox 8 màu đen, gắn thẻ sim số thuê bao 0869809.559 (thu của T). Xác định đây là công cụ, phương tiện các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có sử dụng liên quan đến tội phạm, nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[11] Về tình tiết liên quan vụ án:

Nguồn gốc số ma túy: Thủy khai báo mua của một người đàn ông T gặp ở khu vực Bệnh viện Đ, phường Ô, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội. T không biết rõ người đó là ai, chỉ biết người này hay đứng ở khu vực Bệnh viện Đ. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra xác minh, nhưng không xác định được người bán ma túy cho T là ai, nên không có căn cứ xử lý.

Đối với chiếc xe máy điện T1 sử dụng đi mua ma túy. Đây là tài sản của anh Phan Kiên T5 (là cháu ruột của T1). Anh T5 không biết việc T1 sử dụng để đi mua bán ma túy, nên không thu giữ là phù hợp.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu tím đen biển số 36D1 – 10455 T2 sử dụng đi mua ma túy. Đây là xe tài sản của bà Vũ Thị M1 (là mẹ T2). Việc T2 lấy xe đi hàng ngày bà M1 có biết và đồng ý, tuy nhiên bà M1 không biết việc T2 sử dụng xe đi mua bán ma túy, nên không thu giữ là phù hợp.

Đối với 01 chiếc điện thoại Realme 5 màu xanh và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Microsoft màu trắng, xác định không liên quan đến tội phạm, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Lê Thị L2, là phù hợp.

Đối với Ngô Khắc L4 là người chở T1, T2 vào ngày 04/10/2023, nhưng L4 không biết T1, T2 đi mua ma túy, nên không xử lý trách nhiệm là phù hợp.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Xuân T2, Đỗ Trung T, Phan Văn T1 và Nguyễn Văn T4, Công an huyện T đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đúng quy định.

[12] Về án phí: Bị cáo Đỗ Trung T và Nguyễn Xuân T2 phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Phan Văn T1 là người khuyết tật, nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo T1.

[13] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b, i khoản 2 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Đỗ Trung T;

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 38; điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Phan Văn T1;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Nguyễn Xuân T2;

Căn cứ vào điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293; khoản 1 Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố: Các bị cáo Đỗ Trung T, Phan Văn T1 và Nguyễn Xuân T2 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

- Xử phạt bị cáo Đỗ Trung T 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/10/2023.

- Xử phạt bị cáo Phan Văn T1 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/10/2023.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T2 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/10/2023.

2. Về biện pháp tư pháp:

- Truy thu bị cáo Đỗ Trung T số tiền 3.500.000 đồng, sung vào ngân sách nhà nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền 10.000.000 đồng, thu giữ của bị cáo T. Như vậy, bị cáo T được nhận lại số tiền 6.500.000 đồng, hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân, theo Biên bản giao nhận vật chứng số 31 ngày 04/01/2024.

- Truy thu bị cáo Phan Văn T1 số tiền 2.500.000 đồng, sung vào ngân sách nhà nước, nhưng được khấu trừ đi số tiền 700.000 đồng, thu giữ của bị cáo T1, hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân, theo Biên bản giao nhận vật chứng số 31 ngày 04/01/2024. Như vậy, bị cáo T1 còn phải nộp là 1.800.000 đồng.

- Truy thu bị cáo Nguyễn Xuân T2 số tiền 1.000.000 đồng, sung vào ngân sách nhà nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền 1.000.000 đồng, thu giữ của bị cáo T2, hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân, theo Biên bản giao nhận vật chứng số 31 ngày 04/01/2024. Như vậy, bị cáo T2 đã nộp đủ.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy đối với: Toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định, được đựng trong 02 phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng K Công an tỉnh T phát hành;

- Tịch thu, tiêu hủy đối với: 10 gói nilon loại vỏ đựng bơm kim tiêm xi lanh; 10 mảnh giấy trắng hình vuông được gấp thành hình tam giác; 01 thẻ ngân hàng V1 màu xanh có dãy số trên thân thẻ là 9704150147504438 mang tên Nguyễn Xuân T2; 01 lọ nhựa màu trắng hình trụ tròn, một lưỡi dao lam có chữ "Gillette"; 01 vỏ bao thuốc lá thăng long; 05 mảnh giấy bạc hình vuông; 02 mảnh giấy bóng màu đỏ.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với 04 chiếc điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 7 vỏ màu đen, gắn thẻ sim số thuê bao 0966.177.007 và 0977.330.636 (thu của T2); 01 điện thoại di động nhãn

hiệu Viettel màu xanh dạng bàn phím, lắp thẻ sim số thuê bao 0378.669.545 (thu của T1); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, gắn thẻ sim số thuê bao 0378.171.236 (thu giữ của Nguyễn Văn T4); 01 điện thoại di động nhãn Honox 8 màu đen, gắn thẻ sim số thuê bao 0869809.559 (thu của T).

Toàn bộ sô vật chứng trên hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân, hiện trạng theo như Biên bản giao nhận vật chứng số 31 ngày 04/01/2024.

4. Về án phí: Các bi cáo Đỗ Trung T và Nguyễn Xuân T2, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Phan Văn T1.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Tiến